

Nghệ An, ngày 9 tháng 7 năm 2021

**BẢN TỔNG HỢP NHẬN XÉT
HỒ SƠ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TRIẾT HỌC**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị đào tạo

Tên trường: **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Năm thành lập: **1962** (6/2005 đến nay mang tên Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ quan/Bộ chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: 36 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Loại hình trường: Đại học công lập

2. Chương trình đào tạo

Tên khoa thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) (theo Quyết định thành lập):
Khoa Triết học (được thành lập ngày 16 -1- 1962 cùng ngày Thành lập trường)

Tên CTĐT: Triết học Mác - Lênin

Mã CTĐT: 7229001 (3440/QĐ-BGD&ĐT 27/06/2005)

Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 5, Nhà hành chính trung tâm A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 36 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên hệ: (0240).37.546.963, (máy lẻ 504) Số fax: 024-37.548.949

Website: ajc.hcma.vn ; E-mail: khoatriethoc@ajc.edu.vn

Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1962

Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1975

Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1979



II. HỒ SO TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Nhận định về mức độ phù hợp giữa cấu trúc của báo cáo tự đánh giá với quy định trong văn bản Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo tại Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 30/12/2020 của Cục QLCL-Bộ GD&ĐT

Nhà trường đã triển khai hoạt động tự đánh giá (TĐG) theo quy trình trong *Hướng dẫn TĐG chương trình đào tạo* (Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 30/12/2020 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT). Cấu trúc Báo cáo TĐG chương trình đào tạo cử nhân ngành Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã đáp ứng yêu cầu so với Hướng dẫn.

Báo cáo TĐG về chương trình đào tạo cử nhân ngành Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng gồm 423 trang ngoài phần danh mục, mục lục gồm 4 phần chính:

- + Phần I: Khái Quát
- + Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí
- + Phần III: Kết luận
- + Phần IV: Phụ lục cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT)

Báo cáo Tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Triết học bao gồm các quyết định của Nhà trường về Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, Các nhóm chuyên trách, Kế hoạch triển khai tự đánh giá CTĐT.

Danh mục minh chứng về chương trình đào tạo cử nhân ngành Triết học được tổng hợp gồm 165 trang, kết cấu thông tin của danh mục rõ ràng, khoa học, cung cấp đầy đủ thông tin cơ bản của minh chứng.

2. Văn phong, chính tả, cách lập luận và lý giải trong báo cáo tự đánh giá

2.1. Về văn phong, cách lập luận và lý giải

Báo cáo TĐG chương trình đào tạo cử nhân ngành Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được trình bày công phu, khoa học, rõ ràng. Văn phong trình bày mạch lạc, nêu rõ từng chỉ báo của tiêu chí cần đánh giá. Phương pháp mô tả các hoạt động của tiêu chí phù hợp với minh chứng, các chỉ báo được minh họa lần lượt, bài bản đi kèm với hệ thống minh chứng cụ thể, đầy đủ, rõ ràng.

Báo cáo đã mô tả theo các yêu cầu của các chỉ báo của từng tiêu chí, nội dung phân tích lý giải từng chỉ báo tương đối phù hợp với minh chứng đưa ra.

Một số tiêu chí, phần mô tả còn viết theo lối liệt kê minh chứng, diễn giải từng hoạt động cụ thể nên dài dòng. Phần mô tả một số tiêu chí chưa phân tích hết các mốc chuẩn,

nội hàm của tiêu chí nên chưa hoàn thiện.

Báo cáo đã chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại phù hợp với từng tiêu chí, phù hợp với nội dung mô tả của tiêu chí. Một số điểm mạnh nêu chưa mang tính đại diện cho tiêu chí, chưa phù hợp với thực tế của Học viện đã nêu ở phần mô tả. Tương tự vậy, tồn tại một số tiêu chí chỉ ra mang tính cụ thể, một số chỉ báo theo mốc chuẩn chưa được mô tả không được nêu ở phần tồn tại.

Báo cáo đã nêu được kế hoạch hành động để khắc phục tồn tại của từng tiêu chí. Các kế hoạch hành động đưa ra phù hợp với mục tiêu khắc phục tồn tại. Tuy nhiên, kế hoạch hành động mới chỉ đề cập đến nội dung cải tiến cho một số hoạt động cụ thể, ngắn hạn, chưa xây dựng kế hoạch hành động trong dài hạn. Kế hoạch hành động mới chỉ dừng lại do khoa đề xuất, chưa phải Học viện cam kết thực hiện triển khai nên chưa đúng về chủ thể xây dựng báo cáo và chưa đảm bảo độ tin cậy, khả thi đối với kế hoạch hành động.

Báo cáo đã tổng hợp đầy đủ điểm mạnh, điểm tồn tại cũng như kế hoạch hành động của 11 tiêu chuẩn một cách toàn diện.

2.2. Về chính tả

Báo cáo TĐG được trình bày cẩn thận, rà soát kỹ nên các lỗi văn bản được hạn chế.

3. Việc mô tả các hoạt động, nhận định điểm mạnh, điểm cần cải tiến của đơn vị đối chiếu với yêu cầu của từng tiêu chí (theo Công văn 1669/QLCL-KDCLGD, ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng-Bộ GD&ĐT)

Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo			
TC1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	Mục tiêu CTĐT được xác định rõ trong mỗi Quyết định ban hành CTĐT Triết học. Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Nhận định điểm mạnh và tồn tại phù hợp với mô tả.	Cần mô tả làm rõ sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện và mục tiêu của giáo dục đại học.
TC1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được	Báo cáo đã mô tả, phân tích mục tiêu CTĐT phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Học viện. Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Nhận định điểm mạnh và tồn tại phù hợp với mô tả.	

C VÀ Đ
 TÂM
 ĐỊNH
 LƯỢNG
 DỤC
 ĐẠI HỌC

Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.			
TC 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Tồn tại chưa cụ thể về số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát.	Bổ sung làm rõ điểm tồn tại. Cần bổ sung minh chứng về sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng CĐR của CTĐT.
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo			
TC 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Làm rõ tồn tại và kế hoạch hành động gắn liền với nội hàm tiêu chí
TC 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Tồn tại chưa chỉ ra tính đầy đủ của các bản mô tả trong 5 năm	
TC 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	Báo cáo đã mô tả về các nội dung của từng đề cương học phần trong CTĐT.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
TC 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về phân tích chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả căn cứ đánh giá mức độ liên hệ giữa các khối kiến thức với Chuẩn đầu ra
TC 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả rõ hơn về sự tương thích về nội dung và đóng góp của mỗi học phần nhằm đạt chuẩn đầu ra.
TC 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn	Điểm mạnh chỉ ra chưa thực sự nổi bật.	Mô tả rõ hơn về sự cập nhật và có tính tích hợp về nội dung của mỗi học phần để có trình tự logic.
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học			
TC 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn, đã chỉ ra	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp	Cần làm rõ: Triết lý giáo dục được phổ biến

Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
được được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.	Học viện có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục và được phổ biến tới các bên liên quan, có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan	với mô tả tiêu chí.	tới các bên liên quan và có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan như thế nào?; sự truyền tải TLGD trong các hoạt động của Học viện đặc biệt hoạt động đào tạo
TC 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn	Điểm tồn tại chỉ ra chưa rõ ràng.	
TC 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả sâu hơn về các hoạt động phục vụ nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học			
TC 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Tồn tại chỉ ra chưa rõ ràng với nội dung mô tả và yêu cầu của tiêu chí.	Bổ sung làm rõ điểm tồn tại.
TC 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Tồn tại chỉ ra chưa phù hợp và toàn diện với nội dung mô tả và yêu cầu của tiêu chí.	
TC 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả thêm về Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo sự công bằng.
TC 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	



Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
TC 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
TC 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của các mốc chuẩn.	Tồn tại đánh giá đúng với mô tả nhưng chưa toàn diện.	Mô tả thêm về việc quy hoạch đội ngũ đáp ứng các hoạt động phục vụ cộng đồng
TC 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của các mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
TC 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
TC 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.	Mô tả chưa làm rõ về việc thực thi, đánh giá và kết quả khối lượng, thi đua khen thưởng.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả sâu hơn về kết quả khối lượng công việc, NCKH và PVCĐ, thi đua khen thưởng của khoa, của đội ngũ GV, NCV.
TC 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên	Mô tả đáp ứng yêu cầu các mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp	

Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.		với mô tả tiêu chí.	
TC 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả thêm về kết quả NCKH, công bố hàng năm trong giai đoạn
TC 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được tổng hợp, và triển khai để đáp ứng nhu cầu.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Cần bổ sung: + kết quả NCKH, công bố hàng năm của đội ngũ CB, GV của đơn vị đào tạo trong giai đoạn đánh giá + kết quả đó được cải tiến như thế nào trong giai đoạn đánh giá
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
TC 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Mô tả đề cập đủ các mốc chuẩn, Tuy nhiên, chưa có thông tin về công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Cần bổ sung thông tin về việc quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hàng năm trong giai đoạn đánh giá
TC 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả thêm về việc kết quả quy hoạch đội ngũ nhân viên hàng năm thông qua các quyết định bổ nhiệm
TC 7.3. Năng lực của	Đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp	Mô tả thêm về công cụ, tiêu chí đánh giá năng



Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.	Tuy nhiên chưa làm rõ về phương pháp, công cụ đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên.	với mô tả tiêu chí.	lực đội ngũ nhân viên
TC 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
TC 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả lượng hóa khối lượng công việc của nhân viên
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
TC 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn Tuy nhiên thiếu thông tin về kết quả tuyển sinh hàng năm.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả thêm về kết quả tuyển sinh hàng năm
TC 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.	Mô tả đã chỉ ra tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả thêm về sự thay đổi tiêu chí và phương pháp tuyển chọn tuyển sinh hàng năm
TC 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	Mô tả đã chỉ ra Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả thêm về kết quả học tập và rèn luyện của NH ngành Triết học trong 5 năm.
TC 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Tồn tại chỉ ra chưa phù hợp với mô tả và yêu cầu của chỉ báo tiêu chí.	

Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.			
TC 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.	Nhận định đúng điểm mạnh và tồn tại nhưng chưa toàn diện.	Mô tả thêm về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm của HV phục vụ NH
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
TC 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Cần bổ sung minh chứng các quy định của Nhà nước và Bộ GD&ĐT về điều kiện việc
TC 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Mô tả thêm về danh mục giáo trình, tài liệu học tập phục vụ NH ngành Triết học thay đổi trong giai đoạn đánh giá
TC 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
TC 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Mô tả đã đề cập nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các mốc chuẩn 1, 2 và 3.	Nhận định được điểm mạnh và tồn tại nhưng chưa toàn diện.	Cần làm rõ các mốc chuẩn chưa được đáp ứng đầy đủ
TC 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người	Nhận định được điểm mạnh và tồn tại nhưng chưa toàn diện.	



 HỌC VÀ ĐẠC
 NG TÂM
 M ĐỊNH
 T LƯỢNG
 O DỤC
 ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
tật.	khuyết tật.		
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng			
TC 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
TC 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
TC 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Chưa mô tả rõ ràng về các quy định rà soát, đánh giá thường xuyên về quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học, các phương pháp dạy và học.
TC 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	Đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn Tuy nhiên chưa làm rõ: các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV như thế nào?	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Cần làm rõ: các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV như thế nào?
TC 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	Đã đề cập đến mốc chuẩn Tuy nhiên, mô chuẩn 1 thiếu thông tin về văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Nhận định về điểm mạnh và tồn tại còn sơ sài, chưa trọng tâm vào thực tế của Học viện và chỉ báo của tiêu chí.	Cần bổ sung: các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (nếu có).
TC 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra			

Tiêu chí	Sự đáp ứng các mốc chuẩn trong Mô tả	Nhận định điểm mạnh, điểm tồn tại	Những điểm cần làm rõ/cần cải tiến
TC 11.1. 1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Cần làm rõ hơn việc sử dụng kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học để cải tiến chất lượng
TC 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Đáp đề cập đến các mốc chuẩn, tuy nhiên thiếu dữ liệu của CTĐT.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Cần mô tả thêm về thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Triết học
TC 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	Cần mô tả về các giải pháp hỗ trợ người học sau tốt nghiệp chưa có việc làm có thể tìm được việc làm.
TC 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí nhưng chưa toàn diện.	Cần Bổ sung kết quả đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH sinh viên giữa các CTĐT trong trường và với các CSGD khác
TC 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Đã mô tả đáp ứng yêu cầu của mốc chuẩn về mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh.	Điểm mạnh, điểm tồn tại đã chỉ ra phù hợp với mô tả tiêu chí.	

4. Tính đầy đủ, thống nhất và việc sử dụng thông tin, minh chứng về mức độ đạt được của các tiêu chí

Các tiêu chí trong báo cáo được mô tả khá đầy đủ các chỉ báo theo mốc chuẩn quy định tại Công văn 1669/QLCL-KDCLGD, ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT. Các minh chứng được đề cập tại các tiêu chí đảm bảo tính thống nhất trong toàn báo cáo và đã minh họa tương đối đầy đủ theo yêu cầu. Các minh chứng được đưa ra minh họa cho các tiêu chí đảm bảo sự phù hợp về nội dung, cung cấp thông tin đầy đủ cho từng chỉ báo.

Báo cáo tự đánh giá đã mô tả khá đầy đủ các chỉ báo theo mốc chuẩn quy định tại Công văn 1669/QLCL-KĐCLDH ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT.

Hệ thống minh chứng được sử dụng thống nhất, có độ tin cậy, phù hợp về nội dung, cung cấp thông tin tương đối đầy đủ các yêu cầu của các tiêu chuẩn và tiêu chí.



5. Những tiêu chí bị bỏ sót hoặc chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ

Báo cáo đã phân tích và đánh giá đầy đủ các tiêu chí của 11 tiêu chuẩn thuộc Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT. Các tiêu chí được nêu trong Báo cáo đều được phân tích và đánh giá đầy đủ.

6. Những minh chứng cần bổ sung theo yêu cầu của mốc chuẩn của các tiêu chí

Minh chứng cần bổ sung	
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra	
1	Bảng đối sánh sự thay đổi CĐR các lần ban hành (năm 2016;2018;2020)
2	Biên bản họp góp ý các bên liên quan về mục tiêu CTĐT, CĐR, CTĐT, ĐCCT (năm 2018;2020)
3	Biên bản họp rà soát CĐR CTĐT Triết học
4	Tài liệu quảng bá thông tin về CTĐT, CĐR của CTĐT
5	Các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước phục vụ cho hoạt động đối sánh
6	Kế hoạch khảo sát nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT từ 2016
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	
7	Bản mô tả CTĐT Triết học ở các lần ban hành (năm 2016;2018;2020)
8	Báo cáo/ Bảng đối sánh các CTĐT tham khảo
9	Báo cáo/ Bảng đối sánh các học phần của CTĐT với các học phần của CTĐT tham khảo
10	Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR và bảng tổng hợp ý kiến sử dụng trong xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT.
11	Kế hoạch đào tạo toàn khóa học, từng năm học trong giai đoạn 2016-2020
12	Đề cương chi tiết các học phần từng lần ban hành (năm 2016;2018;2020)
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	
13	Ma trận kết nối giữa CĐR- CTĐT; CĐR - học phần; CĐR-PPGD học phần; CĐR-Phương pháp KTĐG; CĐR học phần -Nội dung học phần.
14	Hồ sơ khảo sát đánh giá đóng góp của các khối kiến thức trong chuẩn đầu ra
15	Hồ sơ khảo sát đánh giá đóng góp của từng học phần trong chuẩn đầu ra
16	Kế hoạch đào tạo toàn khóa học, năm học trong giai đoạn 2016-2020
17	Bảng đối sánh sự thay đổi về CTDH toàn khóa từng năm

18	Các biên bản họp Hội đồng Khoa học & Đào tạo, Hội đồng khoa và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH trong giai đoạn 2016-2020
19	Văn bản, tài liệu góp ý của các bên liên quan về CTDH
20	Quy trình thiết kế, chỉnh sửa CTDH
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	
21	Kế hoạch, thông báo, danh sách, biên bản các hội nghị truyền thông về triết lý giáo dục có sự tham gia của các bên liên quan
22	Thống kê và biểu đồ hóa các phương pháp dạy, phương pháp học sử dụng trong CTĐT Triết học theo từng lần ban hành
23	Kế hoạch, hoạt động đào tạo bồi dưỡng giảng viên về các phương pháp giảng dạy hiện đại, thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập đa dạng.
24	Hồ sơ khảo sát sự hài lòng của giảng viên, sinh viên về các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT
25	Thống kê danh mục các hoạt động phục vụ học tập suốt đời theo từng năm, số lượng sinh viên tham gia, kết quả từng hoạt động của sinh viên
26	Hồ sơ khảo sát đánh giá về chất lượng đào tạo toàn khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá sinh viên	
27	Thống kê và biểu đồ hóa các hình thức KTĐG được xây dựng cho CTĐT Triết học theo từng lần ban hành CTĐT
28	Thống kê số lượng chỉ tiêu, số trúng tuyển, số nhập học, số tốt nghiệp đúng hạn, số tốt nghiệp quá hạn trong giai đoạn 2016-2020.
29	Hướng dẫn/ Quy trình xây dựng phương pháp KTĐG phù hợp CĐR.
30	Hồ sơ về quá trình ra đề thi, bảo mật đề thi, tổ chức thi, chấm thi.
31	Hồ sơ về quá trình xây dựng, nghiệm thu hệ thống ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần.
32	Quy trình quy định về phúc khảo bài thi, tổng hợp số lượng/tỷ lệ sinh viên phúc khảo và kết quả trước và sau phúc khảo.
33	Hình thức thông báo kết quả đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện cho người học
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	
34	Bảng thống kê kế hoạch phát triển đội ngũ GV gồm số lượng, chất lượng (thể hiện qua chức danh, học vị) đội ngũ GV năm 2016 và chỉ tiêu phân đầu đến năm 2020.
35	Thống kê các chính sách đặc biệt của Học viện để thu hút cán bộ giỏi về làm GV nếu có (cao hơn quy định của các Bộ).

36	Bản mô tả về vị trí việc làm của GV, NCV được phê duyệt
37	Thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, NCV ngành Triết học từng năm giai đoạn 2016-2020
38	Thông kê kết quả thực hiện quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý các cấp của Học viện 2016 – 2020
39	Thông kê biến động nhân sự của ngành Triết học từ 2016-2020 (tuyển dụng mới, chuyên công tác, về hưu...)
40	Thông kê số lượng GV, NCV ngành Triết học giai đoạn 2016-2020 được bổ nhiệm, điều chuyển
41	Thông kê số lượng GV không hoàn thành nhiệm vụ trong xếp loại thi đua hằng năm, số lượng GV bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên trong chu kỳ đánh giá.
42	Bảng phân công khối lượng giảng dạy, khối lượng vượt giờ của giảng viên từng năm học
43	Tổng hợp các quyết định thi đua, khen thưởng, kỷ luật(nếu có) của khoa, của đội ngũ GV, NCV trong 5 năm
44	Bản tự nhận xét, đánh giá của GV, NCV ngành Triết học giai đoạn 2016-2020
45	Thông kê số lượng GV được khen thưởng trong chu kỳ đánh giá gồm số lượng được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp, được tặng bằng khen của các Bộ, Tỉnh, Thành phố, khen thưởng cấp Nhà nước
46	Tổng hợp kết quả về các nghiên cứu và công bố của GV, NCV ngành Triết học từng năm giai đoạn 2016-2020
47	Thông kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng của GV, NCV ngành Triết học giai đoạn 2016-2020
48	Bảng thống kê kế hoạch cử GV, NCV đi đào tạo ThS, TS ngành Triết học từng năm giai đoạn 2016-2020 và kết quả thực hiện của mỗi năm. Tổng hợp trong 05 năm qua số lượng GV đã được cử đi đào tạo ThS, được cử đi đào tạo TS và đã có bao nhiêu GV được nhận bằng ThS, bao nhiêu GV được nhận bằng TS, bao nhiêu người nhận bằng của nước ngoài.
59	Bảng thống kê kết quả bồi dưỡng nâng cao trình độ cho GV trong 05 năm qua: Số lượng GV được cử đi dự các lớp bồi dưỡng có cấp chứng chỉ, dự các lớp tập huấn về đổi mới PPGD, PP KTĐG, nâng cao trình độ ngoại ngữ...(bồi dưỡng ở trong và ngoài nước)
50	Các biên bản họp xác định nhu cầu tuyển dụng từng năm giai đoạn 2016-2020
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	
51	Thông kê số lượng, danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ từng năm giai đoạn 2016-2020 gồm trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm
52	Bảng tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng từng năm về nội dung, thời lượng, số lượng nhân viên tham gia, kinh phí đã chi trong 5 năm giai đoạn 2016-2020

53	Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên ở các vị trí trong 5 năm giai đoạn 2016-2020
54	Thống kê các quyết định thi đua, khen thưởng, kỷ luật (nếu có) của khoa, của đội ngũ nhân viên trong 5 năm
55	Thống kê danh sách các lớp và các quyết định cử đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; các văn bằng chứng chỉ của nhân viên được cử đi học
56	Quy định chế độ làm việc đối với nhân viên
57	Thống kê số lượng nhân viên hỗ trợ không hoàn thành nhiệm vụ hằng năm, số lượng nhân viên bị kỷ luật từ khiển trách trở lên
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	
58	Thống kê kết quả tuyển sinh từng năm giai đoạn 2016-2020
69	Tài liệu/Biên bản họp đánh giá công tác tuyển chọn hàng năm
60	Báo cáo sự thay đổi các phương án tuyển chọn người học, đánh giá kết quả học tập người học trong giai đoạn 2016-2020
61	Quyết định phân giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập các lớp trong 5 năm
62	Thống kê kết quả học tập, rèn luyện hàng năm của SV ngành Triết học
63	Thống kê số lượng, danh sách sinh viên ngành Triết học được khen thưởng, học tập, rèn luyện.
64	Bảng tổng hợp các hoạt động sinh viên ngành Triết học tham gia vào các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa.
65	Tổng hợp số lượng sinh viên và số tiền học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí cho người học của Học viện và của CTĐT trong giai đoạn 2016-2020.
66	Danh sách các câu lạc bộ/các tổ chức/doanh nghiệp liên kết hỗ trợ đào tạo với Nhà trường về ngành Triết học
67	Tổng hợp số liệu về các hội chợ việc làm (số đơn vị tham gia, số người được tuyển dụng) của Trường và CTĐT trong chu kỳ KĐCLGD.
68	Hồ sơ khảo sát tình trạng có việc làm của NH tốt nghiệp từng năm giai đoạn 2016-2020
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	
69	Tổng hợp kinh phí, hợp đồng mua tài liệu chung cho Thư viện Học viện và của CTĐT trong chu kỳ KĐCLGD
70	Dữ liệu sinh viên của CTĐT sử dụng thư viện trong giai đoạn 2016-2020
71	Tổng hợp kinh phí được sử dụng để mua mới, duy tu/bảo dưỡng và cập nhật nâng cấp các trang thiết bị dạy học của CTĐT từng năm trong 5 năm 2016-2020
72	Tổng hợp kinh phí được sử dụng để mua mới, duy tu/bảo dưỡng và cập nhật nâng cấp các trang thiết bị hệ thống CNTT của Học viện trong chu kỳ KĐCLGD
73	Thống kê các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu, ...)

GIÁO T
 TRU
 KIẾ
 CHẤ
 GI
 TƯƠNG

74	Thống kê danh mục các loại CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo được đầu tư và kinh phí đầu tư trong 5 năm 2016-2020
75	Danh mục giáo trình, tài liệu, sách tham khảo gồm cả bản cứng và bản mềm cập nhật hàng năm từ 2016-2020 (đặc biệt liên quan đến ngành Triết học)
76	Thống kê danh mục hệ thống máy tính, phần mềm, thiết bị CNTT phục vụ đào tạo
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	
77	Thống kê cụ thể số lượng/thành phần các bên liên quan (GV, SV, CSV, nhà sử dụng lao động, chuyên gia...) tham gia góp ý đề rà soát, phát triển CTĐT/CTDH ngành Triết học vào các năm 2016, 2018 và 2020
78	Thống kê danh mục, số lượng, kinh phí chi cho các đề tài NCKH của giảng viên (đề tài NCKH, bài báo, tham luận Hội nghị, Hội thảo...) đã thực hiện trong giai đoạn KĐCLGD(2016-2020); liệt kê các sản phẩm của NCKH được chuyển tải thành các chuyên đề, HP giảng dạy trong CTĐT (ví dụ đề tài A được ứng dụng/chuyển tải thành học phần B...), các đề tài, công bố khoa học liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học, số lượng học viên cao học/SV hoàn thành chương trình học là sản phẩm của các đề tài NCKH
79	Văn bản của Học viện về việc giao nhiệm vụ cho đơn vị/bộ phận thực hiện khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của SV, CBGV với dịch vụ thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Học viện (CSVC, nhà ăn, KTX...)
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	
80	Văn bản ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình
81	Danh sách sinh viên tốt nghiệp muộn ngành Triết học của 5 khóa gần nhất
82	Thống kê danh sách NH tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, đơn vị công tác, mức thu nhập bình quân của 5 khóa gần nhất
83	Danh sách các tổ chức/doanh nghiệp sinh viên Học viện đang làm việc trong 5 năm gần đây
84	Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng (quy định về các nội dung khảo sát, phương pháp, quy trình, công cụ và tiêu chí khảo sát của từng đối tượng)
85	Bảng tổng hợp danh sách và hồ sơ các cuộc khảo sát của từng đối tượng trong 5 năm từ 2016-2020

7. Tính đầy đủ của cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục trong vòng 05 năm tính đến thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo quy định

Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục trong vòng 05 năm tính đến thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo quy định được tổng hợp đầy đủ, đảm bảo cung cấp thông tin toàn diện và liên tục về các lĩnh vực liên quan đến đánh giá CTĐT.

Học viện cần kiểm tra, rà soát lại tính chính xác của hệ thống các số liệu được nêu trong Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục. Một số thông tin chưa chính xác, cần

tính riêng cho ngành Triết học không phải số liệu toàn khoa Triết học và toàn trường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. Kết luận

Hồ sơ TĐG CTĐT ngành Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng yêu cầu để thực hiện đánh giá ngoài. Học viện cần hoàn thiện làm rõ một số nội dung đã nêu ở mục 3 và bổ sung các minh chứng đã nêu ở mục 6 để cung cấp đầy đủ thông tin hơn cho từng tiêu chí, đồng thời rà soát lại các số liệu được nêu trong Báo cáo.

3.2. Đề nghị

Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Triết học của Nhà trường cần được hoàn thiện theo các ý kiến thẩm định trước khi triển khai đánh giá ngoài. Khi chỉnh sửa và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá, Nhà trường cần bám sát Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD của Cục quản lý chất lượng về việc sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

Sau khi hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Triết học, Nhà trường gửi lại cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHV kèm theo bản giải trình những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung và bảo lưu những ý kiến so với Báo cáo tự đánh giá cũ để Trung tâm rà soát, xem xét trước khi triển khai đánh giá ngoài.

P. GIÁM ĐỐC

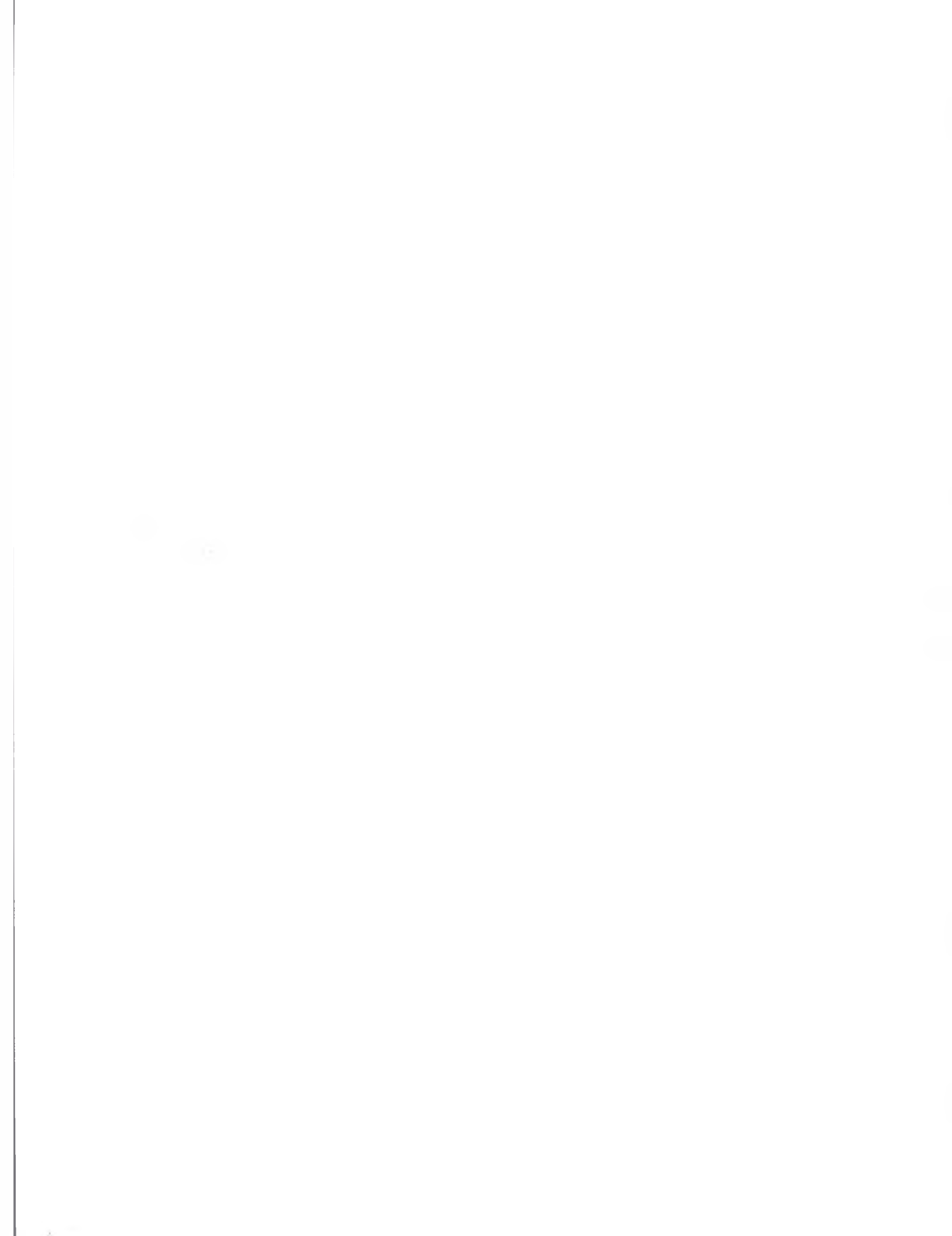


PGS.TS. Mai Văn Chung

Người tổng hợp

Nguyễn Thị Minh

JC VÀ
NG T.
M Đ!
LUC
O DL
ĐẠI HC



PHỤ LỤC

(Kèm theo bản Tổng hợp nhận xét báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Triết học)

Phụ lục 1. Bảng kiểm cấu trúc chung của báo cáo tự đánh giá

	Có	Không
1. Trang bìa chính, trang bìa phụ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Danh sách và chữ ký của các thành viên Hội đồng tự đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Mục lục	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Bốn (04) phần nội dung của báo cáo:		
- Phần I: Khái quát		
+ Tóm tắt BC TĐG (cấu trúc, nội dung chính và giải thích cách mã hóa MC)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Mục đích, quy trình tự đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Phương pháp và công cụ đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, nhân viên, người học, v.v.) vào quá trình tự đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Bối cảnh chung của nhà trường, đơn vị thực hiện CTĐT (tâm nhìn, sứ mạng, các thông tin về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, các vấn đề về tài chính, các vấn đề có ảnh hưởng đến tình hình chung của nhà trường)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí		
+ Báo cáo viết đầy đủ về 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí (Liệt kê các tiêu chuẩn, tiêu chí bị bỏ sót trong phần Nhận xét)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Mỗi tiêu chí được viết đầy đủ theo 5 phần (Mô tả và phân tích các hoạt động của nhà trường liên quan đến tiêu chí; Điểm mạnh; Điểm tồn tại; Kế hoạch hành động; Tự đánh giá) (Liệt kê các tiêu chí nào chưa được viết đầy đủ theo 5 phần trong phần Nhận xét)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phần III: Kết luận		
+ Tóm tắt điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Tóm tắt điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phần IV: Phụ lục	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục trong vòng 05 năm tính đến thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Các tài liệu liên quan: các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Kế	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>



	Có	Không
hoạch tự đánh giá; các bảng biểu tổng hợp, thống kê, v.v.		
+ Danh mục MC của báo cáo tự đánh giá :	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>(Cách mã hóa các MC có đúng quy định không? Tên các MC sử dụng trong báo cáo có phù hợp không? Số, ngày tháng ban hành, nơi ban hành, v.v);</i>		
- Các mẫu biểu có được thực hiện đúng quy định:		
+ Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Danh sách thành viên Ban thư ký và nhóm công tác chuyên trách	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Kế hoạch tự đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Phần tự đánh giá của trường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Tổng hợp kết quả tự đánh giá	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Danh mục MC	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Phụ lục 2. Hình thức, văn phong báo cáo tự đánh giá

	Có	Không
- Báo cáo định dạng đúng thể thức kỹ thuật theo yêu cầu của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 30/12/2020 của Cục QLCL-Bộ GD&ĐT:	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Khở giấy A4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Phong chữ Times New Roman, Unicode	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Cỡ chữ 13-14	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Lề trên: 2 – 2.5 cm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Lề dưới: 2 – 2.5 cm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Lề trái: 3 – 3.5 cm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Lề phải: 2 – 2.5 cm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Khoảng cách giữa các dòng: 1.5 lines	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Báo cáo có lỗi chính tả hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Báo cáo có lỗi đánh máy hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>(Cụ thể được liệt kê trong phần Nhận xét mục 2)</i>		
- Các chữ viết tắt (nếu có) có thống nhất trong toàn báo cáo không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>(Cụ thể được liệt kê trong phần Nhận xét mục 2)</i>		
- Các thuật ngữ được sử dụng trong báo cáo có thống nhất không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>(Cụ thể được liệt kê trong phần Nhận xét mục 2)</i>		
- Văn phong trong báo cáo có phù hợp không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

